

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-PT
Ngày: 23-01-2019
Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài
sản và yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hương;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLPT-DS ngày 21/12/2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Viên Tuyền C (Viên Văn C); địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Luân Văn T1; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam S – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện: Ông Phùng Văn S1 – Chủ tịch. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị P (vợ ông Viên Tuyến C), anh Viên Văn S2, anh Viên Văn T2, anh Viên Văn H, anh Viên Văn M, chị Nông Thị N, chị Nông Thị E, chị Lô Thị T3, chị Nông Thị N; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; anh T2 có mặt, còn lại những người khác vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, anh S2, anh T2, anh H, anh M, chị N, chị E, chị T3, chị N1: Ông Viên Tuyến C (theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018). Có mặt.

- Chị Nông Thị T4. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nông Thị T4: Anh Luân Văn T1 (theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018). Có mặt.

- Ông Luân Văn C1, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bà Lương Thị N2, anh Luân Văn D, chị Luân Thị T5, chị Luân Thị I; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Điều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, anh D, chị T5, chị I: Ông Luân Văn C1 (theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018). Có mặt.

- Anh Luân Văn T6; địa chỉ: Thôn P1, xã Đ, thành phố L2, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Luân Văn Q; địa chỉ: Thôn B1, xã P2, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Viên Văn T7, bà Triệu Thị N3; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị N3: Ông Viên Văn T7. Điều vắng mặt.

- Ông Luân Văn P3, bà Lô Thị C2, anh Luân Văn T8, anh Luân Văn T9, anh Luân Văn Đ1, chị Luân Thị L3; địa chỉ: Thôn B1, xã P2, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Điều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Viên Tuyến C (Viên Văn C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Viên Tuyến C có khu đất rừng tại P4 (phía sau nhà) đất là do ông cha để lại. Tại cuộc họp thôn T ngày 25/8/1993 ông Viên Tuyến C đã kê khai cả khu đất rừng đã quản lý là “A”. Đến ngày 11/6/1994, Ủy ban nhân dân huyện B giao hồ sơ giao đất, giao rừng (gọi là sổ bì xanh) cho gia đình ông là lô số 13 diện tích 0,7ha, nhưng qua kiểm tra thấy cấp không đủ diện tích đã kê khai, ông Viên Tuyến C yêu cầu thôn T chỉnh sửa lại, nhưng thôn không làm. Ông Viên Tuyến C đã nhận sổ bì xanh và vẫn quản lý sử dụng ổn định lô đất được cấp 0,7ha. Đến năm 2000 chính quyền địa phương yêu cầu kê khai lại để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Viên Tuyến C đã yêu cầu sửa lại diện tích cho đúng kê khai năm 1993 nhưng không được xem xét.

Đến năm 2013 ông Viên Tuyến C đến phát lại rừng để trồng sắn, ngô thì bị vợ anh Luân Văn T1 là chị Nông Thị T4 ngăn cản và cho rằng bố anh Luân Văn T1 là ông Luân Văn C1 đã mua lại đất rừng của ông Luân Văn P3, ông C yêu cầu chính quyền thôn, xã giải quyết, nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Năm 2014 anh Luân Văn T1 lại chặt phá của ông Viên Tuyến C 159 cây mỡ; năm 2015 lại tiếp tục phát, phá đốt hết cây ông đã trồng, chỉ sót lại 28 cây mỡ nhưng đã bị cháy rụng lá.

Phía bị đơn anh Luân Văn T1 xác nhận đất rừng đang tranh chấp gọi là P4, ở phía sau nhà hiện anh Luân Văn T1 đang ở. Bố anh là Luân Văn C1 có nhận chuyển nhượng lại của ông Luân Văn P3 (là anh em con bác họ), khi mua bán chỉ viết giấy tay và đã giao tiền, gồm nhà ở và đất rừng, đất ở, đất ruộng với tổng số tiền là 130.000.000đồng, giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/9/2005 có Trưởng thôn là ông Viên Văn N4 xác nhận. Đất này ông Luân Văn P3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2004 là thửa 162 diện tích 6.000m². Từ năm 2006, khi anh Luân Văn T1 và vợ là Nông Thị T4 ra ở riêng thì ông Luân Văn C1 giao cho quản lý sử dụng và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Luân Văn P3. Anh Luân Văn T1 được biết năm 2000 nhà nước yêu cầu kê khai đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông Luân Văn P3 đã kê khai cả đất rừng hồi với đất ông Viên Văn T7 cho (tức là nằm trong lô số 10) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2004, theo bản đồ lâm nghiệp năm 2000 thể hiện là thửa 162, diện tích 6.000m². Quá trình sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng của ông Luân Văn P3, thì gia đình anh Luân Văn T1 quản lý sử dụng, không có tranh chấp. Đến năm 2015 thì thấy ông Viên Tuyến C đi phát rừng lấn chiếm, thì xảy ra tranh chấp.

Theo lời khai của ông Viên Tuyền C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Ông Viên Tuyền C yêu cầu được sử dụng đất tranh chấp có diện tích là 4.611m^2 và tài sản hiện có trên đất theo đúng kết quả thẩm định ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B số Y188***, số vào sổ 000***, cấp ngày 06/10/2004 cho ông Luân Văn P3, trong đó yêu cầu hủy thửa số 162, diện tích là 6.000m^2 , nay đo thực tế là 4.611m^2 theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 2000 của xã L.

- Yêu cầu anh Luân Văn T1 bồi thường thiệt hại các loại cây là: 800 cây keo, mỗi con là 16.000.000đồng; 159 cây mỡ là 3.180.000đồng; 28 cây mỡ bị cháy là 2.000.000đồng; phá các loại cây rừng khác là 2.000.000đồng; 25.398 cây vầu bị đốt cháy là 76.194.000đồng; gỗ tạp bị phá là 20 khối giá là 10.000.000đồng; 09 cây mỡ bị cháy rụng lá là 450.000đồng. Tổng cộng là 109.824.000đồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ngày 12/7/2018 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Đất tranh chấp thuộc địa danh P4, thôn T, xã L, là đất rừng sản xuất, diện tích tranh chấp đo được là 4.611m^2 , là một phần lô số 10 của ông Viên Văn T7 được giao theo bản đồ lâm nghiệp năm 1993 và theo bản đồ lâm nghiệp năm 2000 thành thửa số 162, diện tích ghi trong giấy là 6.000m^2 được giao cho ông Luân Văn P3 (theo sơ họa ngày 12/7/2018), trị giá đất tranh chấp $4.611\text{m}^2 \times 5.000\text{đồng}/\text{m}^2$ là 23.055.000đồng.

Trên đất tranh chấp có cây tạp, cụ thể: Các cây còn sống là 03 cây dẻ đường kính gốc 15cm - 20cm; 42 cây tạp đường kính 5cm - 10cm và 09 cây mỡ. Ngoài ra qua kiểm đếm có 39 cây tạp chết khô đường kính 5cm - 10cm và 146 cây tạp bị cắt chỉ còn gốc đường kính gốc 5cm - 7cm. Còn 02 cây hồi bị chặt chỉ còn gốc đường kính trên 40cm là của ông Luân Văn P3 trồng và anh Luân Văn T1 nhận tự chặt. Về trị giá tài sản cây trên đất: 03 cây Dẻ (3 cây x 44.000đồng/cây) là 132.000đồng; 42 cây tạp (42 cây x 220.000đồng/cây) là 924.000đồng; 09 cây mỡ (9 cây x 13.000đồng/cây) là 117.000đồng. Còn số cây tạp chết khô, cây tạp chỉ còn gốc không có căn cứ định giá, các bên đương sự thỏa thuận quy thành củi là 7 khối x 300.000đồng/khối là 2.100.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 26.328.000đồng, trong đó đất rừng 23.055.000đồng và cây trên đất là 3.273.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Căn cứ vào Điều 50, khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 105, khoản 5 Điều 166, Điều 200, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 584 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Viên Tuyến C, cụ thể:

1.1. Ông Viên Tuyến C không được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 4.611m², thuộc thửa số 162, bản đồ lâm nghiệp năm 2000, tại địa danh P4, thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Buộc ông Viên Tuyến C chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất nêu trên.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188***, số vào sổ 000***, ngày 06/10/2004 của Ủy Ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho ông Luân Văn P3 đối với thửa số 162, có diện tích là 4.611m², theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 2000 của xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản là các cây trên đất với tổng số tiền là 59.073.000đồng (năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2. Bị đơn anh Luân Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại địa danh P4 thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có diện tích là 4.611m² (trong đó nằm trong thửa số 162, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 xã L là 4.403,5m²; nằm trong thửa đất số 241, theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 là 207,5m²).

2.1. Phần diện tích đất 4.403,5m² nằm trong thửa số 162, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 xã L, thể hiện các cạnh như sau:

- Phía Đông có cạnh dài 41,59m giáp phần đất có cây hời của anh Luân Văn T1 (phần đất thuộc thửa 162);

- Phía Tây (gần đỉnh đồi) cạnh dài 19,48m giáp thửa 160 ông Viên Văn T7;

- Phía Nam có cạnh dài 163,17m giáp đất ông Viên Tuyền C đã trồng cây mỗ, là thửa 128.

- Phía Bắc có cạnh dài 152,09m giáp thửa số 160 của ông Viên Văn T7, thể hiện đường rãnh hào ngăn cách với đất ông Viên Văn T7 ở phần trên đỉnh đồi cách thửa 160 là 12m; phần phía dưới cách thửa 160 là 39m. (Có sơ đồ hiện trường ngày 12/7/2018 kèm theo).

2.2. Phần diện tích 207,5m² nằm trong thửa 241 của ông Viên Văn T7 theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011, có các cạnh hình tam giác thể hiện độ dài 31,4m; 28,8m và 14,3m. (có bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 kèm theo).

Công nhận sự tự nguyện của ông Viên Văn T7, bà Triệu Thị N3 là không yêu cầu đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 207,5m² nằm trong thửa 241 theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 mà Tòa án đã xử cho anh Luân Văn T1 được quản lý, sử dụng như trên.

2.3. Giao cho anh Luân Văn T1 được quản lý và sở hữu, sử dụng tài sản trên đất tranh chấp gồm 03 (ba) cây dẻ; 42 (bốn mươi hai) cây tạp; 09 (chín) cây mỗ còn sống; 39 (ba mươi chín) cây tạp chết khô dùng làm củi.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/10/2018, ông Viên Tuyền C có đơn kháng cáo đề ngày 15/10/2018 với nội dung: Không chấp nhận quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; đề nghị chuyển vụ án dân sự thành vụ án hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Viên Tuyền C giữ nguyên nội dung kháng cáo, không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm đã xét xử ngày 02/10/2018; không yêu cầu chuyển vụ án dân sự thành vụ án hành chính.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết: Nguyên đơn ông Viên Tuyền C có đơn kháng cáo ngày 15/10/2018. Kháng cáo của ông C là hợp pháp, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Ông Viên Tuyền C yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp;

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án cho thấy: Nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất, ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai cũng như sự phù hợp về lời khai của ông Viên Văn T7 và ông Luân Văn P3 về việc ông T7 cho ông P3 một diện tích đất (đất rừng hồi phía trên sau nhà) thì việc ông Viên Tuyền C đòi quyền quản lý sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại: Cây keo, mỡ và cây tạp có trên đất tranh chấp. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12/7/2018 đã kiểm đếm số cây còn sống, số cây đã chết và cây bị chặt còn gốc để xem xét bồi thường. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Viên Tuyền C xác định các cây tạp, kể cả cây vầu đều mọc tự nhiên, còn 09 cây mỡ hai bên đều nói được trồng, không xác định là ai trồng. Do xác định đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C nên mặc dù có việc ông C trồng cây nhưng trồng trên diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của anh T1 yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông C không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Luân Văn P3 thấy rằng việc cấp giấy chứng nhận đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Với phân tích nêu trên, thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Viên Tuyền C.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông Viên Tuyền C có đơn đề nghị được xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông Viên Tuyền C.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí của bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia theo hướng đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ; căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Nội dung kháng cáo: Ông Viên Tuyến C yêu cầu giữ nguyên đơn khởi kiện, không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm đã xét xử ngày 02/10/2018; chuyển vụ án dân sự thành vụ án hành chính.

[3] Xem xét nội dung đơn kháng cáo thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 4.611m², thuộc thửa 162, bản đồ lâm nghiệp năm 2000 (bản đồ lâm nghiệp xã L năm 2011 thuộc thửa 248); địa danh P4, thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đất tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188***, số sổ 00***/QSĐĐ/15**/QĐ-UB(H) cấp ngày 06/10/2004 cho ông Luân Văn P3. Năm 2005 ông Luân Văn P3 chuyển nhượng lại cho ông Luân Văn C1 là bố của anh Luân Văn T1 sau đó anh T1 được ông Luân Văn C1 giao cho quản lý sử dụng ổn định đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp. Theo tài liệu thu thập được trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm ông Viên Tuyến C cho rằng đất tranh chấp là của cha ông để lại, năm 1993 ông đã kê khai theo biên bản họp thôn ngày 23/8/1993 trong đó có cả phần diện tích đất tranh chấp, năm 1994 ông Viên Tuyến C nhận hồ sơ giao đất, giao rừng (gọi là sổ bì xanh) thuộc lô số 13, diện tích 0,7ha, ông thấy giao không đủ diện tích đã yêu cầu thôn T, xã L và Hạt kiểm lâm huyện chỉnh sửa, nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên, tại Công văn số 144/CV-KL ngày 10/7/2018 của Hạt kiểm lâm huyện B và Công văn số 87/UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, đều xác định sau khi cấp sổ bì xanh không có việc ông Viên Tuyến C có đơn xin cấp đất hay thắc mắc yêu cầu chỉnh sửa gì. Nên việc trả lại sổ bì xanh để yêu cầu các cấp chính quyền chỉnh sửa lại diện tích rừng đã cấp của ông Viên Tuyến C là không có căn cứ.

[4] Năm 2000 đo đạc lại và lập bản đồ lâm nghiệp để cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông Viên Tuyến C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188***, số sổ 00***/QSĐĐ/15**/QĐ-UB(H) cấp ngày 06/10/2004 thửa đất 186, diện tích 7.000m² (chuyển từ sổ xanh sang sổ bì đỏ). Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã L và kết quả xem xét thẩm định ngày 12/7/2018 và thực tế hiện các hộ dân đang sử dụng, được đối chiếu bản đồ giao đất, giao rừng (bản đồ lâm nghiệp 1993) thể hiện lô 13 của ông Viên Tuyến C, tiếp đến là lô 6 của ông Luân Văn K, rồi đến lô 8 của ông Luân Văn V, sau đó đến lô 10 của ông Viên Văn T7. Đối chiếu sang bản đồ lâm nghiệp năm 2000 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lô 13 là thửa 186 của ông Viên Tuyến C; còn lô 6 phần giáp đỉnh đồi thể hiện nằm trong lô 186, còn phần phía dưới hiện gia đình ông Luân Văn K sử dụng (ghi lô 185), gia đình ông Luân Văn

K thừa nhận không sử dụng diện tích phía trên đỉnh đồi; còn lô 8 chia thành 2 thửa, là thửa 171 hiện ông Luân Văn G (con trai ông Luân Văn V) sử dụng, còn thửa 128 xác định của ông Luân Văn V, nhưng năm 2000 ông Viên Tuyền C tranh chấp với ông Luân Văn G, do ông Luân Văn G không muốn kiện tụng gây mất đoàn kết, nên để ông Viên Tuyền C trồng cây mỡ như hiện nay. Còn lô 10 của ông Viên Văn T7 chia thành 3 thửa, là thửa 162 hiện cấp giấy cho ông Luân Văn P3, thửa 160 cấp cho ông Viên Văn T7, thửa 154 cấp cho em trai ruột ông Viên Văn T7 là ông Viên Văn N5 (nay đã đi miền Nam, hiện ông Viên Văn T7 quản lý, sử dụng). Do vậy có căn cứ xác định thửa số 162 đã cấp cho ông Luân Văn P3 không trùng vào lô 13, nay là lô 186 cấp cho ông Viên Tuyền C, mà có căn cứ xác định thửa 162 là có một phần tách từ lô 10 của ông Viên Văn T7, phần còn lại là đất cây hồi cũ, sau nhà ông Luân Văn P3, việc này phù hợp với lời khai của ông Viên Văn T7 là năm 1998 tự cho ông Luân Văn P3 một phần đất phía trên rừng hồi của ông Luân Văn P3 vì là quan hệ thông gia, khi cho không đo đạc diện tích cụ thể. Nên yêu cầu đòi quyền sử dụng của ông Viên Tuyền C đối với đất tranh chấp là 4.611m^2 là không có căn cứ.

[5] Đối với việc giao đất cho ông Luân Văn P3 thửa 162, diện tích 6.000m^2 , thấy: Việc kê khai, giao đất đúng trình tự, thủ tục quy định, có ông Luân Văn G, Viên Văn T7 ký ranh giới. Kiểm tra trên thực địa, thấy thửa 162 có phía Nam giáp rừng cây mỡ ông Viên Tuyền C trồng và xác định là đất của ông Luân Văn V thửa 128 (theo bản đồ lâm nghiệp năm 2000), mà năm 2000 có tranh chấp giữa ông Viên Tuyền C với ông Luân Văn G, là con ông Luân Văn V, đồng thời cũng trùng khớp với bản đồ giao đất rừng năm 1993. Nên không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188***, số vào sổ 000***, cấp ngày 06/10/2004 cho ông Luân Văn P3 đối với thửa số 162, diện tích là 6.000m^2 , theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 2000 của xã L. Cần công nhận quyền quản lý sử dụng thửa đất 162 là của ông Luân Văn P3 là có căn cứ pháp luật.

[6] Từ những căn cứ trên, thấy yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông Viên Tuyền C là không có căn cứ, cần áp dụng Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 200, 203 Luật Đất đai năm 2013 để giao đất tranh chấp có diện tích 4.611m^2 (trong đó nằm trong thửa 162 bản đồ lâm nghiệp xã L năm 2000 là $4.403,5\text{m}^2$ và nằm trong thửa đất 241 bản đồ đất lâm nghiệp ngày 07/11/2011 của ông Viên Văn T7 là $207,5\text{m}^2$)

cho anh Luân Văn T1 được quyền quản lý và sử dụng là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[7] Những lý do kháng cáo ông Viên Tuyền C đưa ra không có căn cứ để xem xét, do đó Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia.

[8] Về yêu cầu kháng cáo của ông Viên Tuyền C chuyển vụ án dân sự thành vụ án hành chính: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông Viên Tuyền C không yêu cầu chuyển vụ án dân sự thành vụ án hành chính, mặt khác xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm nên không xem xét.

[9] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Viên Tuyền C nộp đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Xét thấy ông Viên Tuyền C là người cao tuổi, thuộc diện gia đình chính sách, sống ở vùng sâu vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ông Viên Tuyền C được miễn toàn bộ án phí do vậy cần sửa phần án phí của bản án sơ thẩm, việc sửa án là do phát sinh tình tiết mới.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Viên Tuyền C; sửa phần án phí của bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ vào Điều 50, khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 105, khoản 5 Điều 166, Điều 200, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 584 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Viên Tuyền

C, cụ thể:

1.1. Ông Viên Tuyền C không được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 4.611m^2 , thuộc thửa số 162, bản đồ lâm nghiệp năm 2000, tại địa danh P4, thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Buộc ông Viên Tuyền C chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất nêu trên.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y188***, số vào sổ 000***, ngày 06/10/2004 của Ủy Ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho ông Luân Văn P3 đối với thửa số 162, có diện tích là 4.611m^2 , theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 2000 (hiện thuộc thửa 248 bản đồ lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011) của xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản là các cây trên đất với tổng số tiền là 59.073.000 đồng (năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2. Bị đơn anh Luân Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại địa danh P4 thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có diện tích là 4.611m^2 , trong đó nằm trong thửa số 162, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 xã L là $4.403,5\text{m}^2$; nằm trong thửa đất số 241, theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 là $207,5\text{m}^2$.

2.1. Phần diện tích đất $4.403,5\text{m}^2$ nằm trong thửa số 162, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 xã L, thể hiện các cạnh như sau:

- Phía Đông có cạnh dài 41,59m giáp phần đất có cây hồi của anh Luân Văn T1 (phần đất thuộc thửa 162);

- Phía Tây (gần đỉnh đồi) cạnh dài 19,48m giáp thửa 160 ông Viên Văn T7;

- Phía Nam có cạnh dài 163,17m giáp đất ông Viên Tuyền C đã trồng cây mỗ, là thửa 128.

- Phía Bắc có cạnh dài 152,09m giáp thửa số 160 của ông Viên Văn T7, thể hiện đường rãnh hào ngăn cách với đất ông Viên Văn T7 ở phần trên đỉnh đồi cách thửa 160 là 12m; phần phía dưới cách thửa 160 là 39m.

(Có sơ đồ hiện trường ngày 12/7/2018 kèm theo).

2.2. Phần diện tích $207,5\text{m}^2$ nằm trong thửa 241 của ông Viên Văn T7 theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011, có các cạnh hình tam giác thể hiện độ dài 31,4m; 28,8m và 14,3m. *(Có bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 kèm theo).*

Công nhận sự tự nguyện của ông Viên Văn T7, bà Triệu Thị N3 là không

yêu cầu đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 207,5m² nằm trong thửa 241 theo bản đồ đất lâm nghiệp xã L phê duyệt ngày 07/11/2011 mà Tòa án đã xử cho anh Luân Văn T1 được quản lý, sử dụng như trên.

2.3. Giao cho anh Luân Văn T1 được quyền sở hữu các tài sản trên đất tranh chấp gồm 03 (ba) cây dẻ; 42 (bốn mươi hai) cây tạp; 09 (chín) cây mỡ còn sống; 39 (ba mươi chín) cây tạp chết khô dùng làm củi.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Viên Tuyến C phải chịu 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), xác nhận ông Viên Tuyến C đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí: Ông Viên Tuyến C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Viên Tuyến C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp là 3.400.000đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/024** ngày 24/5/2018 và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/00005** ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm